

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải và bà Nguyễn Thùy Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình . *Có mặt*

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt lần thứ 2*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B đăng ký kết hôn vào ngày 09/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã và có lúc đánh đập nhau vì những bất đồng trong quan điểm sống. Mặc dù, vợ chồng đã được hai bên gia đình nội, ngoại nhiều lần hòa giải để các bên hòa thuận cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn tiếp diễn ngày càng trầm trọng hơn. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ khoảng tháng 7 năm 2018 cho đến nay và không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Do đó, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn,

đời sống chung của vợ chồng không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị N khai nhận vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Nhật A, sinh ngày 21/8/2018. Trước thời điểm sinh con, chị và anh B đã sống ly thân nhau, cho nên chị sinh cháu A tại nhà mẹ đẻ và nuôi con một mình, còn anh B không quan tâm gì đến con cái và không chu cấp gì để nuôi con. Đến khoảng tháng 2/2021, trong thời gian chị đi làm và giao cháu nhờ bà ngoại chăm sóc thì gia đình anh B đã đến đón cháu về bên nội. Hiện tại, cháu A đang ở bên nội và do mẹ đẻ anh B trực tiếp chăm sóc còn anh B không quan tâm gì đến con. Vì vậy, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Phía bị đơn anh Nguyễn Văn B*: Tại thời điểm nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị N đã gửi các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện để thông báo cho anh B được biết. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh B nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã phối hợp với Công an xã Hưng Trạch để tổng đạt trực tiếp giấy triệu tập cho anh B vào ngày 18/4/2021 (BL:40) nhưng anh B cố tình không nhận và có ý kiến anh là người công giáo nên không thể ly hôn. Do đó, quá trình giải quyết vụ án không thể tiến hành hòa giải được và anh B cũng không có cứ ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nơi bị đơn cư trú. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình thụ lý và giải quyết yêu cầu của các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn B cố tình không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và vắng mặt tất cả các buổi làm việc. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ 2 để thông báo cho anh B tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ hai anh B vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án,

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn B có đăng ký kết hôn vào ngày 09/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, việc kết hôn của các đương sự là hợp pháp và đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Theo trình bày của chị N thì nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng xuất phát từ quan điểm, lối sống khác nhau cho nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhau được một thời gian dài và giữa hai người không còn quan tâm gì đến nhau. Đối với anh B mặc dù biết được chị N có yêu cầu ly hôn nhưng cố tình trốn tránh đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ ý kiến gì trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã thể hiện được thái độ bỏ mặc của anh B đối với hạnh phúc gia đình. Xét thấy, các đương sự đã sống ly thân nhau trong một thời gian dài, không ai còn quan tâm lẫn nhau, bỏ mặc nhau, tình cảm thực sự phai nhạt, khó có thể hàn gắn, đời sống chung hiện tại của các đương sự không còn tồn tại, cho nên chị N có đơn yêu cầu ly hôn anh B là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận

[3] Về con chung: Đối với 01 con chung Nguyễn Nhật A, sinh ngày 21/8/2018, hiện tại đang ở chung với gia đình anh B nhưng việc chăm sóc, nuôi dưỡng thì do mẹ đẻ anh B đảm nhận. Xét thấy, con chung của các đương sự còn nhỏ tuổi nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc, tình yêu thương của người mẹ thì mới đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ nhỏ, cho nên nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị N là phù hợp nên cần được chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện của chị N nên được ghi nhận. Tuy nhiên, vì quyền lợi của con các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu, anh B không có ý kiến gì, cho nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về nuôi con: Giao con chung Nguyễn Nhật A, sinh ngày 21/8/2018 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ghi nhận ý kiến của chị N về việc không yêu cầu anh Nguyễn Văn B phải cho nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0000593 ngày 16/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình. Như vậy, đương sự đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/7/2021); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Bồ Trạch;
- Cục THADS huyện Bồ Trạch;
- UBND xã Sơn Trạch, huyện Bồ Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trung Thành